



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
UNIVERSITY OF INFORMATION AND TECHNOLOGY

KHU PHỐ 6, PHƯỜNG LINH TRUNG, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

[T] 028 3725 2002 Ext: 0

[F] 028 3725 2148

[W] www.uit.edu.vn

[E] info@uit.edu.vn



MÔN HỌC PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG (GENERAL LAW)

CHƯƠNG 4:

HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ QUY PHẠM PHÁP LUẬT

I. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Khái niệm

Là một chỉnh thể bao gồm những ý tưởng, vấn đề hoặc bộ phận có liên quan mật thiết với nhau được sắp xếp theo một trật tự logic, khách quan và khoa học.

- Phải có nhiều ý tố/bộ phận hợp thành.
- Các yếu tố/bộ phận có mối liên hệ chắc chắn với nhau theo những nguyên tắc nhất định.

I. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

2. CẤU TRÚC HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

***Cấu trúc
bên trong***

***Hình thức
biểu hiện
bên ngoài***

I. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

CẤU TRÚC BÊN TRONG GỒM 3 BỘ PHẬN

QUY PHẠM PHÁP LUẬT: LÀ THÀNH TỐ NHỎ NHẤT CỦA HỆ THỐNG PHÁP LUẬT. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT HÌNH THÀNH TỪ SỰ KẾT HỢP CỦA NHỮNG QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHẾ ĐỊNH PHÁP LUẬT: GỒM NHỮNG QPPL CÓ NHỮNG ĐẶC TRƯNG GIỐNG NHAU NHẪM ĐIỀU CHỈNH NHỮNG QUAN HỆ XÃ HỘI CÙNG LOẠI

NGÀNH LUẬT: GỒM NHIỀU CHẾ ĐỊNH PL, QPPL ĐIỀU CHỈNH CÁC QHXX TRONG MỘT LĨNH VỰC NHẤT ĐỊNH, VỚI NHỮNG PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH & ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH NHẤT ĐỊNH

I. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

HÌNH THỨC BIỂU HIỆN BÊN NGOÀI

**HỆ THỐNG
VĂN BẢN
QPPL
CÓ GIÁ TRỊ
PHÁP LÝ
KHÁC NHAU
DO CQ NN
CÓ THẨM
QUYỀN
BAN HÀNH
THEO
TRÌNH
TỰ THỦ TỤC
NHẤT ĐỊNH**

**VĂN BẢN
LUẬT**

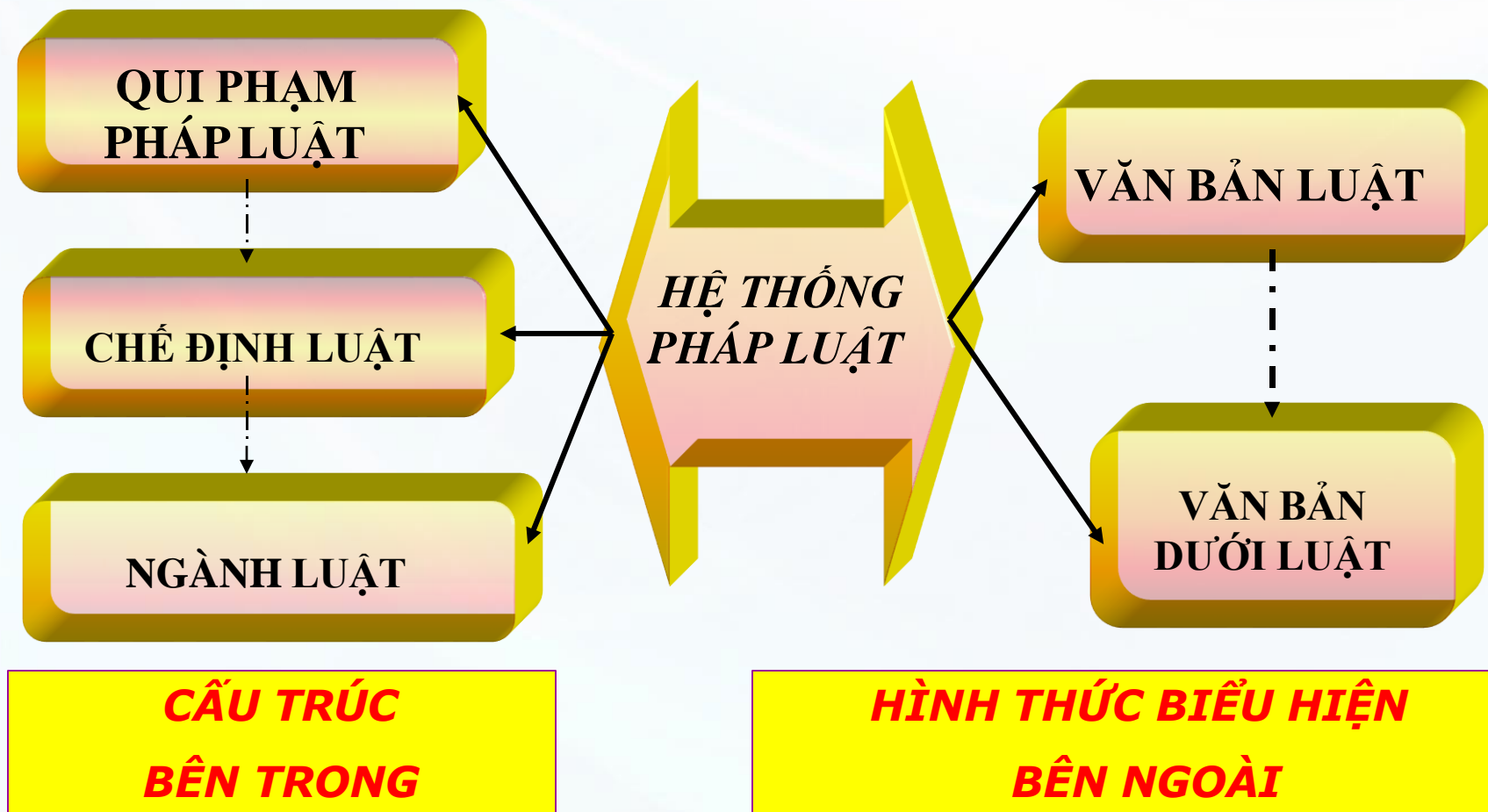
**HIẾN PHÁP
LUẬT, BỘ LUẬT
PHÁP LỆNH**

**VB DƯỚI
LUẬT**

- **NGHỊ QUYẾT**
- **LỆNH, QUYẾT ĐỊNH...**
- **NGHỊ ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH**
- **THÔNG TƯ**

CHƯƠNG 4: HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ QUY PHẠM PHÁP LUẬT

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT



CHƯƠNG 4: HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ QUY PHẠM PHÁP LUẬT

3. TIÊU CHUẨN XÁC ĐỊNH MỘT HỆ THỐNG PHÁP LUẬT HOÀN CHỈNH

HỆ THỐNG PHÁP LUẬT HOÀN CHỈNH



II. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA QUY PHẠM PHÁP LUẬT

KHÁI NIỆM

QUY PHẠM
PHÁP LUẬT LÀ
MỘT LOẠI
QUY PHẠM
XÃ HỘI

QPPL là những quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi, lặp lại nhiều lần đối với chủ thể trong phạm vi lãnh thổ nhất định, do NN đặt ra hoặc thừa nhận và được NN đảm bảo thực hiện.

II. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

QUY PHẠM XÃ HỘI

- ❖ Tập quán
- ❖ Quy tắc đạo đức xã hội
- ❖ Quy tắc tôn giáo
- ❖ Quy tắc đạo đức ngành nghề

QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Quy tắc xử sự do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận một quy phạm xã hội

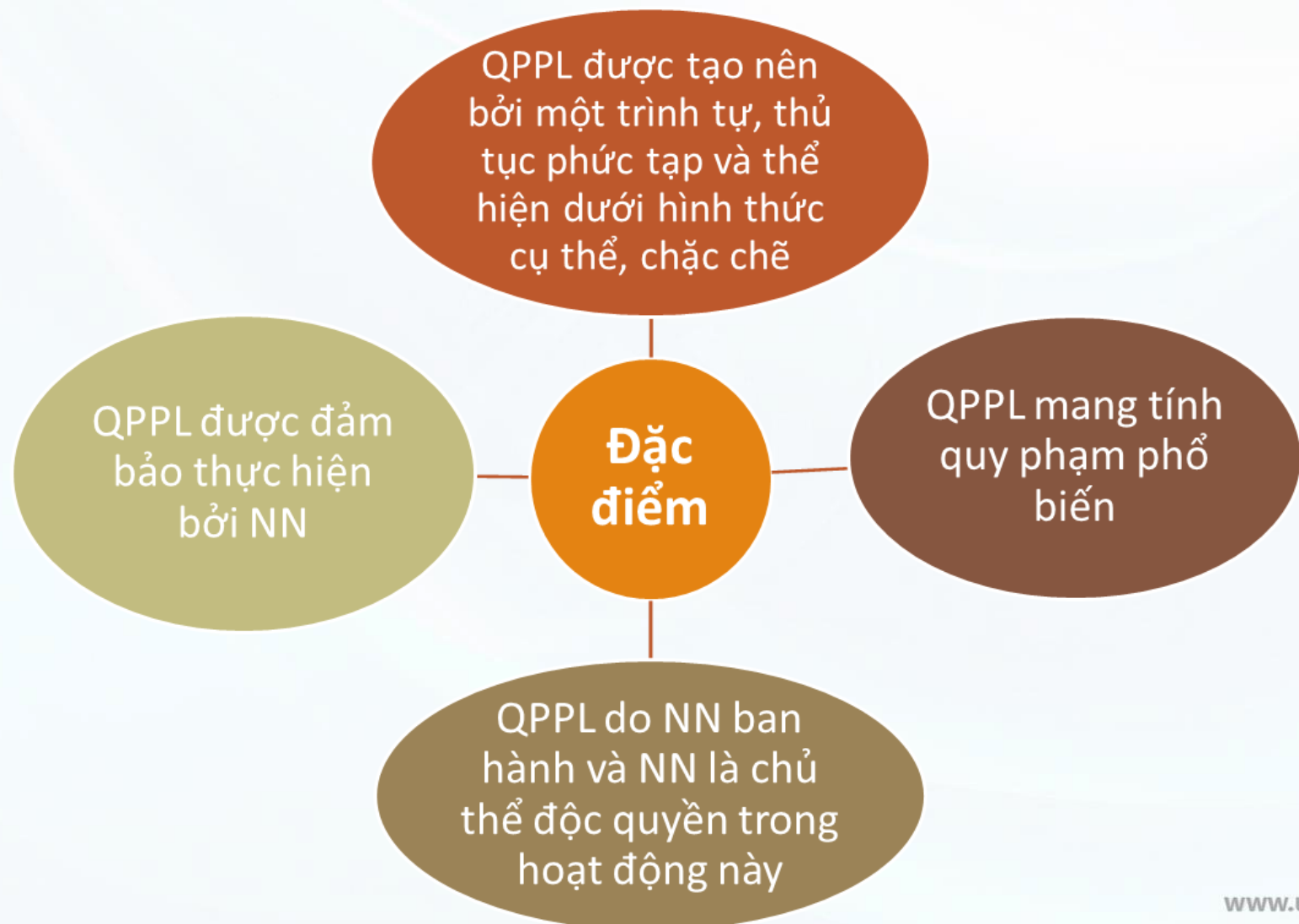
II. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Quy phạm pháp luật là một quy phạm xã hội do đó nó mang đầy đủ các đặc điểm của một quy phạm xã hội nói chung:

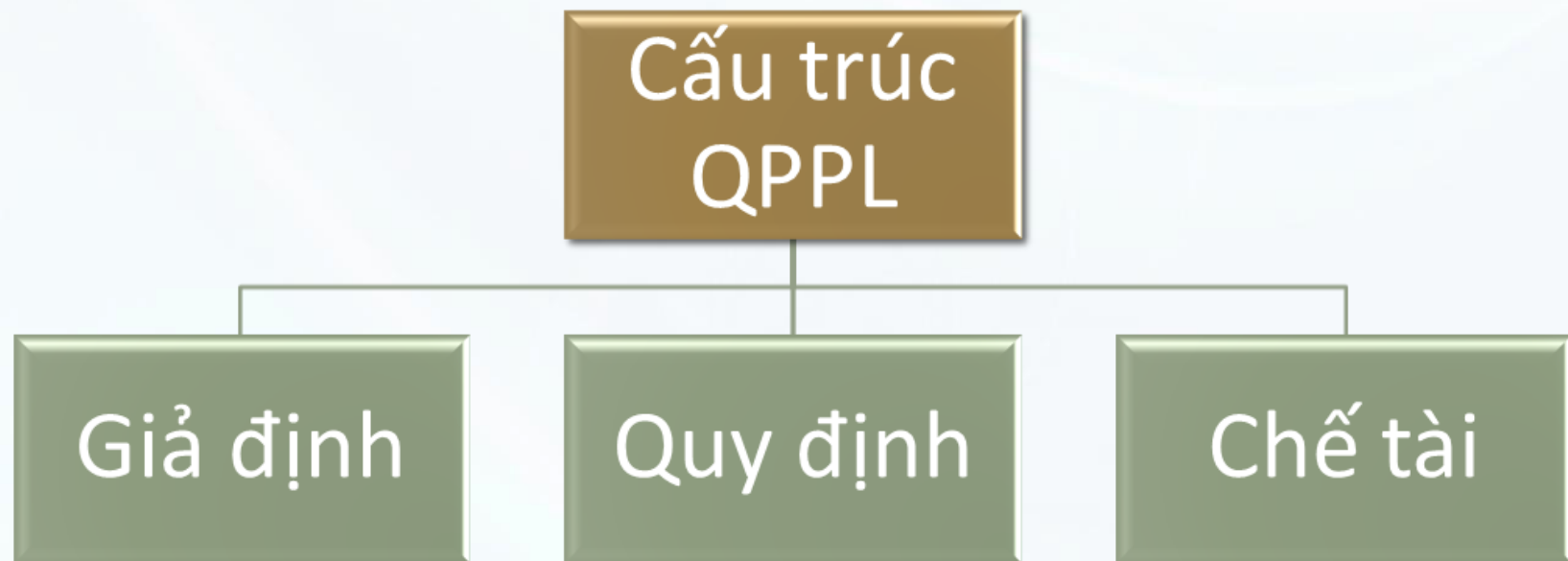
1. Là khuôn mẫu cho hành vi xử sự, chứa đựng các nội dung hướng dẫn xử sự đối với con người trong các mối quan hệ xã hội.
2. Chỉ ra những hậu quả bất lợi có thể phải gánh chịu nếu ai đó không thực hiện theo những khuôn mẫu xử sự.
3. Hướng tới một trật tự xã hội nhất định phù hợp với điều kiện sinh hoạt vật chất và các điều kiện khác.

II. QUY PHẠM PHÁP LUẬT



II. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

2. CẤU TRÚC



II. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

2. CẤU TRÚC

Bộ phận giả định

- Là bộ phận nêu lên tình huống (điều kiện, hoàn cảnh) có thể xảy ra trong thực tế.
- Và khi chủ thể nào ở vào tình huống đó thì phải thể hiện cách xử sự phù hợp với quy định của PL.

❖ Cách xác định:

- Trả lời câu hỏi:

Chủ thể nào?

Trong điều kiện, hoàn cảnh nào?

II. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

2. CẤU TRÚC

Bộ phận giả định

Ví dụ: Trường hợp gia cầm của một người bị thất lạc mà người khác bắt được thì người bắt được phải thông báo công khai để chủ sở hữu gia cầm biết mà nhận lại. Sau 1 tháng kể từ ngày thông báo công khai mà không có người đến nhận thì quyền sở hữu đối với gia cầm và hoa lợi do gia cầm sinh ra trong thời gian nuôi giữ thuộc về người bắt được gia cầm (Điều.232 BLDS 2015)

II. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

2. CẤU TRÚC

Bộ phận giả định

Ví dụ: Trường hợp gia cầm của một người bị thất lạc mà người khác bắt được thì người bắt được phải thông báo công khai để chủ sở hữu gia cầm biết mà nhận lại. Sau 1 tháng kể từ ngày thông báo công khai mà không có người đến nhận thì quyền sở hữu đối với gia cầm và hoa lợi do gia cầm sinh ra trong thời gian nuôi giữ thuộc về người bắt được gia cầm (**Điều 232 BLDS 2015**)

II. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

2. CẤU TRÚC

Bộ phận giả định

Phân loại

*Nội dung chỉ nêu
một điều kiện,
hoàn cảnh cụ thể*

**Giả định
giản đơn**

K1Đ12 HNGĐ “Việc
kết hôn trái PL bị hủy
thì 2 bên phải chấm
dứt QH như vợ
chồng”

*Nội dung nêu
nhiều điều kiện,
hoàn cảnh gắn
với chủ thể tạo
nên tình huống
cụ thể*

**Giả định
phức hợp**

K1Đ23 BLDS “Người
thành niên do tình trạng
thể chất hoặc tinh thần mà
không đủ NL nhận thức,
làm chủ hành vi của mình
nhưng chưa đến mức mất
NLHVDS....”

II. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

2. CẤU TRÚC

Bộ phận quy định

- Là bộ phận nêu lên cách xử sự buộc chủ thể phải tuân theo khi ở vào tình huống đã nêu trong phần giả định của QPPL
- Được xây dựng theo mô hình: **cấm làm gì, phải làm gì, được làm gì, làm như thế nào**
- Quy định dứt khoát hoặc quy định tùy nghi

II. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

2. CẤU TRÚC

Bộ phận quy định

Cách xác định:

Trả lời câu hỏi: Chủ thể sẽ xử sự như thế nào?

Tức là:

- Chủ thể được phép làm gì?
- Không được phép làm gì?
- Phải làm gì?
- Làm như thế nào?

Ví dụ:

Cá nhân là người chưa thành niên, người mất NLHV dân sự có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì người đại diện hợp pháp của họ có thể tự mình hoặc nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện vụ án

(Đ189 BLTTDS 2015)

II. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

2. CẤU TRÚC

Bộ phận chế tài

Là bộ phận nêu lên các biện pháp tác động của NN, dự kiến sẽ áp dụng đối với chủ thể nào không thực hiện đúng theo mệnh lệnh của NN được nêu ở phần quy định của QPPL để đảm bảo pháp luật được thực hiện nghiêm minh.

II. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

2. CẤU TRÚC

Bộ phận chế tài

Cách xác định:

Trả lời câu hỏi: Chủ thể phải chịu hậu quả gì nếu không thực hiện đúng quy định của QPPL khi tham gia vào quan hệ pháp luật tương ứng?

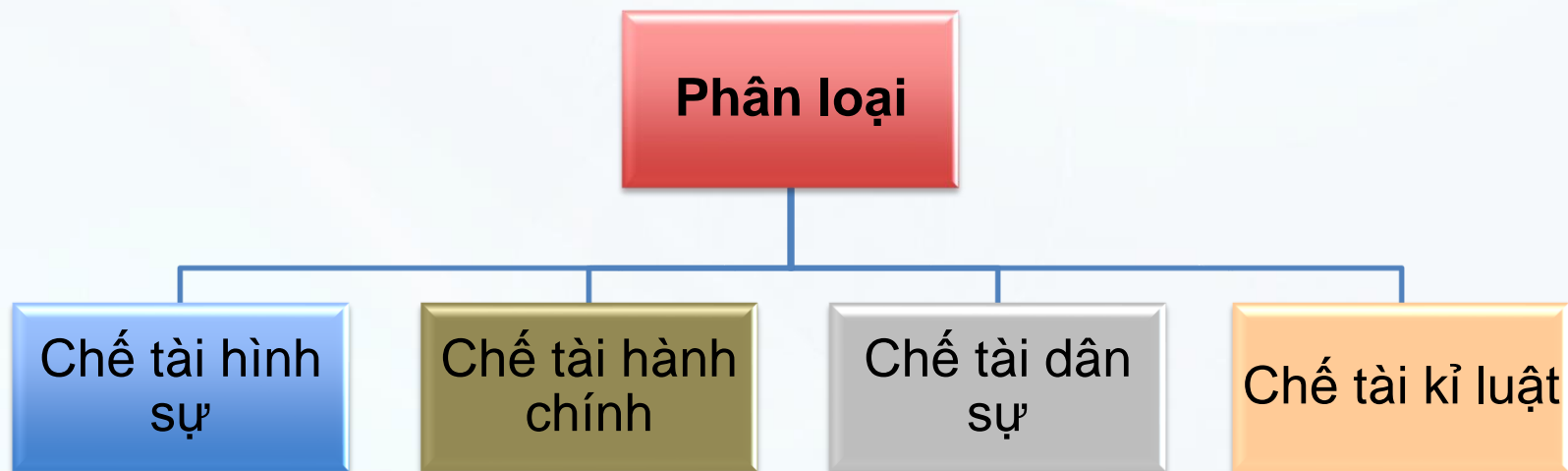
Ví dụ:

Người nào biết mình nhiễm HIV mà cố ý lây truyền bệnh cho người khác, thì phạt tù từ 1 đến 3 năm (Đ117 BLHS)

II. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

2. CẤU TRÚC

Bộ phận chế tài



II. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

2. CẤU TRÚC

Cách trình bày QPPL

- 1 QPPL có thể trình bày trong 1 điều luật
- Trong 1 điều luật có thể có nhiều QPPL
- Trật tự các bộ phận của QPPL có thể bị đảo lộn
- Không nhất thiết phải có đủ 3 bộ phận trong 1 QPPL

II. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

2. CẤU TRÚC

Cách trình bày QPPL

- **VD1**: K1Đ28 HNGĐ 2014 “ Vợ chồng có quyền lựa chọn áp dụng chế độ tài sản theo luật định hoặc chế độ tài sản theo thỏa thuận”
- **VD2**: K3Đ18 LDN2014 “Tổ chức, cá nhân có quyền góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào công ty cổ phần, công ty TNHH, công ty hợp danh theo quy định của Luật này, trừ trường hợp sau đây:
 - a. Cơ quan NN, đơn vị vũ trang nhân dân sử dụng TS NN góp vốn vào DN để thu lợi riêng cho cơ quan , đơn vị mình;
 - b. Các đối tượng không được góp vốn vào DN theo quy định của PL về cán bộ, công chức”.

II. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

2. CẤU TRÚC

Cách trình bày QPPL

- **Về mặt nội dung:** Một QPPL có đầy đủ 3 bộ phận (là trình bày trực tiếp) nhưng cũng có trường hợp một bộ phận nào đó được viện dẫn sang điều luật khác hoặc trong các VBPL khác.
→ Thường để tránh sự trùng lặp, dài dòng và lãng phí các nhà làm luật sẽ áp dụng song song cả kỹ thuật trình bày trực tiếp và viện dẫn trong một VBPL.
- **Về mặt hình thức:** Bộ cục VBPL thường chia thành: phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm

III. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

KHÁI NIỆM VĂN BẢN QPPL

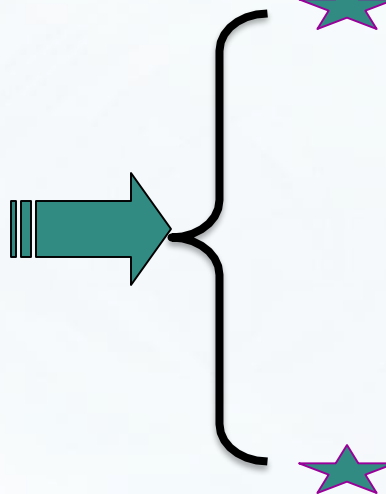
**LUẬT BAN HÀNH
VĂN BẢN QUY PHẠM
PHÁP LUẬT 2015
(SỬA ĐỔI 2020)**

**VĂN BẢN QPPL LÀ VĂN BẢN
CÓ **CHỨA** QPPL
ĐƯỢC BAN HÀNH THEO ĐÚNG
THẨM QUYỀN
HÌNH THỨC
TRÌNH TỰ
THỦ TỤC QUY ĐỊNH
CỦA LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

CHƯƠNG 4: HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ QUY PHẠM PHÁP LUẬT

III. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

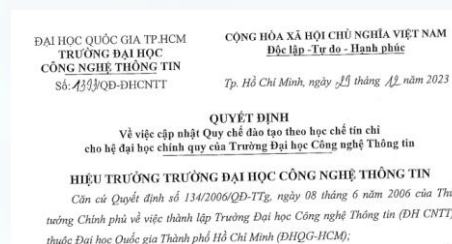
**CĂN CỨ VÀO
GIÁ TRỊ PHÁP LÝ
TRÌNH TỰ BAN HÀNH
VĂN BẢN QPPL
CHIA THÀNH
HAI LOẠI**



VĂN BẢN LUẬT



VĂN BẢN DƯỚI LUẬT



III. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

4. HIỆU LỰC CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HIỆU LỰC CỦA VĂN BẢN QPPL

**PHẠM VI KHÔNG GIAN, THỜI GIAN VÀ ĐỐI TƯỢNG MÀ
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TÁC ĐỘNG TỚI**

III. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

4. HIỆU LỰC CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

**HIỆU
LỰC
CỦA
VĂN
BẢN
QUY
PHẠM
PHÁP
LUẬT**

THEO THỜI GIAN

Được xác định từ thời điểm phát sinh cho đến khi chấm dứt sự tác động của văn bản đó

THEO KHÔNG GIAN

Giới hạn phạm vi tác động của văn bản về mặt không gian

THEO ĐỐI TƯỢNG

Giới hạn phạm vi các cá nhân, tổ chức có nghĩa vụ thi hành

CHƯƠNG 4: HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ QUY PHẠM PHÁP LUẬT

III. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

4. HIỆU LỰC CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

QUỐC HỘI

Số: 33/2005/QH11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2005

BỘ LUẬT DÂN SỰ

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Bộ luật này quy định về dân sự.

PHẦN THỨ NHẤT NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG CHƯƠNG I

NHIỆM VỤ VÀ HIỆU LỰC CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

Điều 1. Nhiệm vụ và phạm vi điều chỉnh của Bộ luật dân sự

Bộ luật dân sự quy định địa vị pháp lý, chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác; quyền, nghĩa vụ của các chủ thể về nhân thân và tài sản trong các quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động (sau đây gọi chung là quan hệ dân sự).

Bộ luật dân sự có nhiệm vụ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng; bảo đảm sự bình đẳng và an toàn pháp lý trong quan hệ dân sự, góp phần tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 2. Hiệu lực của Bộ luật dân sự

1. Bộ luật dân sự được áp dụng đối với quan hệ dân sự được xác lập từ ngày Bộ luật này có hiệu lực, trừ trường hợp được Bộ luật này hoặc nghị quyết của Quốc hội có quy định khác.

2. Bộ luật dân sự được áp dụng trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Bộ luật dân sự được áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Điều 3. Áp dụng tập quán, quy định tương tự của pháp luật



CHƯƠNG 3: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT

III. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

4. HIỆU LỰC CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT



Bộ luật dân sự 2015

Số hiệu:	91/2015/QH13
Loại văn bản:	Luật
Lĩnh vực, ngành:	Quyền dân sự
Nơi ban hành:	Quốc hội
Người ký:	Nguyễn Sinh Hùng
Ngày ban hành:	24/11/2015
Ngày hiệu lực:	01/01/2017
Ngày đăng:	28/12/2015
Số công báo:	Từ số 1243 đến số 1244
Tình trạng:	Còn hiệu lực